

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *130* /2008/ND-CP

Hà Nội, ngày *19* tháng *12* năm 2008

NGHỊ ĐỊNH

Về Giấy chứng minh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 06 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giấy chứng minh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Giấy chứng minh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (sau đây gọi là Giấy chứng minh sĩ quan) chỉ cấp cho sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam đang phục vụ tại ngũ.

2. Giấy chứng minh sĩ quan được cấp nhằm mục đích sau:

- a) Chứng minh người được cấp Giấy chứng minh sĩ quan là sĩ quan đang phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam;
- b) Phục vụ công tác chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và thực hiện các giao dịch dân sự;
- c) Phục vụ công tác quản lý sĩ quan.

Điều 2. Đối tượng được cấp Giấy chứng minh sĩ quan

Giấy chứng minh sĩ quan cấp cho người được phong quân hàm sĩ quan tại ngũ, bao gồm: Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan và những người được bổ nhiệm giữ chức vụ sĩ quan được phong quân hàm sĩ quan.

Điều 3. Cấp lại, đổi, thu hồi Giấy chứng minh sĩ quan

1. Giấy chứng minh sĩ quan được cấp lại khi bị mất, được đổi khi bị hỏng, hết hạn sử dụng hoặc có thay đổi về:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, dân tộc, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;

b) Khi được thăng hoặc bị giáng cấp bậc quân hàm của sĩ quan cấp Úy, cấp Tá, cấp Tướng.

2. Giấy chứng minh sĩ quan phải được thu hồi khi:

a) Sĩ quan được đổi Giấy chứng minh sĩ quan;

b) Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng; bị kỷ luật tước quân hàm sĩ quan.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mẫu Giấy chứng minh sĩ quan

1. Kích thước 85,60 mm x 53,98 mm.

2. Kỹ thuật trình bày: có ba màu quy định là cấp Tướng màu đỏ, cấp Tá màu nâu, cấp Úy màu xanh; hai mặt trang trí khung viền và hoa văn nền.

a) Mặt trước: giữa có hình Quốc huy in chìm đường kính 21mm, từ trên xuống là tiêu đề CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM; bên trái là hình Quân hiệu đường kính 10mm, liền cảnh tùng kép; phía dưới là ảnh của người được cấp Giấy chứng minh và hạn sử dụng; bên phải Quân hiệu là dòng chữ GIẤY CHỨNG MINH SĨ QUAN, từ trên xuống là các dòng chữ: số; họ tên; cấp bậc; đơn vị cấp; ngày, tháng, năm; người có thẩm quyền cấp giấy ký tên và đóng dấu;

b) Mặt sau, từ trên xuống là các dòng chữ: sinh ngày, tháng, năm; dân tộc; quê quán; nơi thường trú; nhận dạng; nhóm máu.

Điều 5. Sử dụng và quản lý Giấy chứng minh sĩ quan

1. Giấy chứng minh sĩ quan được sử dụng theo quy định tại Điều 1 Nghị định này.

2. Sĩ quan có trách nhiệm giữ gìn, quản lý Giấy chứng minh sĩ quan; không sửa chữa, cho thuê, cho mượn, làm hỏng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

3. Cơ quan, đơn vị các cấp trong Quân đội có trách nhiệm quản lý Giấy chứng minh sĩ quan theo quy định tại Điều 1 và khoản 2 Điều 3 của Nghị định này.

4. Nghiêm cấm làm giả, lưu giữ trái phép hoặc sử dụng Giấy chứng minh sĩ quan để mạo danh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Cá nhân, tổ chức vi phạm việc sử dụng, quản lý Giấy chứng minh sĩ quan thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc quản lý Giấy chứng minh sĩ quan

1. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm sản xuất phôi Giấy chứng minh sĩ quan và quy định, hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm quyền cấp,

đòi và thu hồi Giấy chứng minh sĩ quan theo quy định của pháp luật.

2. Sĩ quan khi thực hiện nhiệm vụ và giao dịch dân sự phải xuất trình Giấy chứng minh sĩ quan để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo điều kiện thực hiện quyền và nghĩa vụ của sĩ quan theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm và có quyền phát hiện, phản ánh với đơn vị quân đội hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm trong việc sử dụng, quản lý Giấy chứng minh sĩ quan.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo;

Các quy định trước đây về Giấy chứng minh sĩ quan trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- BQL KKTCKQTBY Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội; Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b).M 295



Nguyễn Tấn Dũng